

SAO KÊ TÀI KHOẢN
STATEMENT OF ACCOUNT

Chủ tài khoản/ Account name: QUY HAT GIONG NHO Ngày thực hiện/ Date: 07/12/2024
Số tài khoản/ Account number: 1032240615 Kênh giao dịch/ VCB DigiBiz
Loại tài khoản/ Type of account: Tài khoản thanh toán Số lượng đồng chủ sở hữu 1
tài khoản (nếu có)/ Number of Joint account holders (if any):
Địa chỉ/ Address: 65/16 KENH TAN HOA, P. TAN THOI HOA, Q.TAN PHU, TP HCM
Mã số thuế/Đăng ký kinh doanh: Tax Identification No./Business Registration No:
CIF: 25667492
Loại tiền/ Currency: VND
Từ/ From: 01/10/2024 Đến/ To: 31/10/2024
Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 227,451,178 VND
(Bằng chữ/ Inwords:) Hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi một nghìn một trăm bảy mươi tám đồng

STT No.	Ngày ¹ / TNX Date/ Số CT/ Doc No	Ngày hiệu lực ² / Effective date	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	01/10/2024 / 0064 - 01134	01/10/2024		230,000	227,681,178	IBPS/SE:01341001.DD:011024.SH:10000113.TC:5139.10747.dd 300924 MSGNO: CO240930202282 BO:NGUYEN THI KIM THAM..1000LFI2400754 95.TRA LAI LENH CHUYEN TIEN SHGD/SENDER REFF: 10000489 NGAY: 01/10/2024 DO SAI TK
2	01/10/2024 / 5009 - 28234	01/10/2024		884,520	228,565,698	SHGD:10005455+DD:241001++DVH goc:12600079668/Truong Tieu Hoc Hung Phu+Remark:CHUYEN TRA LCC 10000724 241001 NGAY 01.10.2024 DO SAI TEN VA TK DVH+ORG_REF:/24093051391075304603183241
3	01/10/2024 / 5223 - 55200	01/10/2024	14,522,000		214,043,698	IBBIZ6021514635.05520 0.CFHT thang 9/2024 - Le Duong Anh Phat
4	04/10/2024 / 5224 - 42803	04/10/2024	906,520		213,137,178	IBBIZ6021800861.04280 3.CFHT Nhu Ngoc
5	04/10/2024 / 5225 - 43966	04/10/2024	252,000		212,885,178	IBBIZ6021800712.04396 6.CFHT Tuyet Nhi
6	09/10/2024 / 5224 - 67206	09/10/2024	1,822,000		211,063,178	IBBIZ6022152398.06720 6.Kim Pham Thu Ngan
7	09/10/2024 / 5139 - 50193	09/10/2024	655,000		210,408,178	IBBIZ6022150193.IBPS. CFHT thang 09/2024-Trinh Tran Trung Toan

8	09/10/2024 / 5139 - 50194	09/10/2024	1,452,520		208,955,658	IBBIZ6022150194.IBPS. CFHT thang 09/2024- Tran Kim Thu
9	09/10/2024 / 5139 - 50195	09/10/2024	906,520		208,049,138	IBBIZ6022150195.IBPS. CFHT thang 09/2024- Huynh Vu Phi
10	09/10/2024 / 5139 - 50196	09/10/2024	242,000		207,807,138	IBBIZ6022150196.IBPS. CFHT den het T10/2024- Tran Thi Thanh Xuan
11	09/10/2024 / 5139 - 50197	09/10/2024	906,520		206,900,618	IBBIZ6022150197.IBPS. CFHT thang 09/2024- Luong Minh Duy
12	09/10/2024 / 5136 - 50198	09/10/2024	1,210,390		205,690,228	IBBIZ6022150198.CFHT thang 09/2024- Nguyen Van Trung
13	10/10/2024 / 5224 - 27295	10/10/2024	362,000		205,328,228	IBBIZ6022303826.02729 5.Nguyen Ngoc Minh Thu
14	16/10/2024 / 5139 - 08799	16/10/2024	1,909,020		203,419,208	IBBIZ6022908799.IBPS. CFHT thang 10/2024- Nguyen T. Dao Van
15	16/10/2024 / 5139 - 08800	16/10/2024	906,520		202,512,688	IBBIZ6022908800.IBPS. CFHT thang 10/2024- Nguyen Nhu Ngoc
16	16/10/2024 / 5139 - 08775	16/10/2024	1,530,000		200,982,688	IBBIZ6022908775.IBPS. CFHT thang 10/2024- Tran Thanh Ly
17	16/10/2024 / 5139 - 08801	16/10/2024	995,000		199,987,688	IBBIZ6022908801.IBPS. CFHT thang 10/2024- Nguyen Hong Thai Bao
18	16/10/2024 / 5139 - 08797	16/10/2024	906,520		199,081,168	IBBIZ6022908797.IBPS. CFHT thang 10/2024- Phung Gia Loc
19	16/10/2024 / 5139 - 08798	16/10/2024	1,174,500		197,906,668	IBBIZ6022908798.IBPS. CFHT thang 10/2024- Nguyen Bao Nhi
20	16/10/2024 / 5139 - 08776	16/10/2024	982,000		196,924,668	IBBIZ6022908776.IBPS. CFHT thang 10/2024- Tran Thanh Bac
21	16/10/2024 / 5136 - 08777	16/10/2024	983,000		195,941,668	IBBIZ6022908777.CFHT thang 10/2024- Hoang Ky Nam
22	16/10/2024 / 5136 - 08793	16/10/2024	934,520		195,007,148	IBBIZ6022908793.CFHT thang 10/2024- Vo Truong Tuong Vi
23	16/10/2024 / 5136 - 08794	16/10/2024	1,354,520		193,652,628	IBBIZ6022908794.CFHT thang 10/2024- Le Ngoc Phuong Dung
24	16/10/2024 / 5136 - 08795	16/10/2024	1,354,520		192,298,108	IBBIZ6022908795.CFHT thang 10/2024- Le Quoc Minh
25	16/10/2024 / 5136 - 08774	16/10/2024	1,395,000		190,903,108	IBBIZ6022908774.CFHT thang 10/2024- Pham Thanh Bao An
26	16/10/2024 / 5136 - 08792	16/10/2024	1,105,650		189,797,458	IBBIZ6022908792.CFHT thang 10/2024- Dang Van Hoa
27	16/10/2024 / 5139 - 08796	16/10/2024	2,974,520		186,822,938	IBBIZ6022908796.IBPS. CFHT thang 10/2024- Le Minh Hoang Long

28	21/10/2024 / 5139 - 36073	21/10/2024	867,500		185,955,438	IBBIZ6023336073.IBPS. CFHT thang 09/2024- Bui Kha Han 05/05
29	21/10/2024 / 5139 - 36074	21/10/2024	867,500		185,087,938	IBBIZ6023336074.IBPS. CFHT thang 09/2024- Mai Trong Nhan
30	21/10/2024 / 5139 - 36076	21/10/2024	1,608,020		183,479,918	IBBIZ6023336076.IBPS. CFHT thang 09/2024- Nguyen T. Hoang Nhu Xuan 2/4
31	21/10/2024 / 5139 - 36077	21/10/2024	1,320,720		182,159,198	IBBIZ6023336077.IBPS. CFHT thang 09/2024- Nguyen Tan Quy
32	21/10/2024 / 5139 - 36078	21/10/2024	954,500		181,204,698	IBBIZ6023336078.IBPS. CFHT thang 10/2024- Tran Kim Thu
33	21/10/2024 / 5136 - 36079	21/10/2024	635,000		180,569,698	IBBIZ6023336079.CFHT thang 10/2024- Nguyen Van Trung
34	21/10/2024 / 5139 - 36080	21/10/2024	492,500		180,077,198	IBBIZ6023336080.IBPS. CFHT thang 09/2024- Nguyen Nhu Ngoc
35	21/10/2024 / 5139 - 36081	21/10/2024	2,676,520		177,400,678	IBBIZ6023336081.IBPS. CFHT thang 09/2024- Nguyen Ngoc Tuyet Nhi
36	21/10/2024 / 5139 - 36082	21/10/2024	586,000		176,814,678	IBBIZ6023336082.IBPS. CFHT thang 10/2024- Trinh Tran Trung Toan
37	21/10/2024 / 5136 - 36072	21/10/2024	4,472,270		172,342,408	IBBIZ6023336072.CFHT thang 09-05/2025- Truong Hoang Bao Nhi
38	24/10/2024 / 5209 - 71817	24/10/2024		23,692,405	196,034,813	450233.241024.070252. Huong Le ung ho Quy HGN T9 va T10 nam 2024 FT24298645909718
39	25/10/2024 / 9701 - 1032240615	25/10/2024		32,921	196,067,734	INTEREST PAYMENT
40	29/10/2024 / 5136 - 74736	29/10/2024	3,130,830		192,936,904	IBBIZ6023974736.CFHT thang 09-12/2024- Nguyen Tran Thai Son
41	29/10/2024 / 5139 - 74737	29/10/2024	42,000		192,894,904	IBBIZ6023974737.IBPS. CFHT thang 09/2024- Nguyen Tan Linh
42	29/10/2024 / 5139 - 74738	29/10/2024	674,000		192,220,904	IBBIZ6023974738.IBPS. CFHT thang 10/2024- Huynh Vu Phi
43	29/10/2024 / 5139 - 74739	29/10/2024	2,216,520		190,004,384	IBBIZ6023974739.IBPS. CFHT thang 10/2024- Phan Tan Thanh
44	29/10/2024 / 5139 - 74740	29/10/2024	1,436,520		188,567,864	IBBIZ6023974740.IBPS. CFHT thang 09/2024- Phan Thi Kim Ngan
45	29/10/2024 / 5139 - 74741	29/10/2024	1,317,000		187,250,864	IBBIZ6023974741.IBPS. CFHT thang 09/2024- Phan Tan Thanh
46	29/10/2024 / 5139 - 74742	29/10/2024	867,500		186,383,364	IBBIZ6023974742.IBPS. CFHT thang 09/2024- Nguyen T. Hoang Nhu Ngoc

47	29/10/2024 / 5139 - 74743	29/10/2024	462,000		185,921,364	IBBIZ6023974743.IBPS. CFHT thang 10/2024- Phan Thi Kim Ngan
48	29/10/2024 / 5139 - 74744	29/10/2024	906,520		185,014,844	IBBIZ6023974744.IBPS. CFHT thang 10/2024- Nguyen Ngoc Nhi
49	29/10/2024 / 5139 - 74745	29/10/2024	374,700		184,640,144	IBBIZ6023974745.IBPS. CFHT thang 10/2024- Nguyen Tan Quy
50	29/10/2024 / 5139 - 74746	29/10/2024	917,000		183,723,144	IBBIZ6023974746.IBPS. CFHT thang 10/2024- Nguyen Tan Loc
51	29/10/2024 / 5136 - 74747	29/10/2024	895,000		182,828,144	IBBIZ6023974747.CFHT thang 10/2024- Vo Truong Tuong Vi
52	29/10/2024 / 5136 - 74748	29/10/2024	1,072,000		181,756,144	IBBIZ6023974748.CFHT thang 09-12/2024- Dinh Hoai Anh
53	29/10/2024 / 5139 - 74749	29/10/2024	507,000		181,249,144	IBBIZ6023974749.IBPS. CFHT thang 10/2024- Nguyen Ngoc Minh Thu
54	29/10/2024 / 5139 - 74750	29/10/2024	1,097,520		180,151,624	IBBIZ6023974750.IBPS. CFHT thang 10/2024- Hua Ngoc Huyen
55	29/10/2024 / 5139 - 74751	29/10/2024	1,115,520		179,036,104	IBBIZ6023974751.IBPS. CFHT thang 10/2024- Hua Ngoc Hoa
56	29/10/2024 / 5139 - 74752	29/10/2024	990,000		178,046,104	IBBIZ6023974752.IBPS. CFHT thang 09-10/2024- Nguyen Tan Linh
57	29/10/2024 / 5136 - 74753	29/10/2024	1,075,520		176,970,584	IBBIZ6023974753.CFHT thang 10/2024- Nguyen Thanh Tan
58	29/10/2024 / 0064 - 01022	29/10/2024		485,000	177,455,584	IBPS/SE:01341001.DD:2 91024.SH:10000104.TC: 5139.74749.dd 291024 MSGNO: CO241029477151 BO:NGUYEN THI KIM THAM..1000LFI2400839 04.TRA LAI LENH CHUYEN TIEN SHGD/SENDER REFF: 10002033 NGAY: 29/10/2024 DO SAI TK

Tổng số/ Total: -49,995,594 VND

Số dư cuối kỳ/ Closing balance: 177,455,584 VND

(Bằng chữ/ Inwords:)

Một trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi tư đồng

Ngày¹: Là ngày khách hàng thực hiện giao dịch

Ngày hiệu lực²: Là ngày giao dịch được ghi nhận trên hệ thống công nghệ của Vietcombank

*Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ Vietcombank!
Thank you for using Vietcombank's services!*

VIETCOMBANK – Chung niềm tin vững tương lai

VIETCOMBANK – Together for the future

Ghi chú: Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm hiện tại hay tương lai đối với các nghĩa vụ của Khách hàng xác lập với bên thứ ba./.

Note: *This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantees of the customer's obligations confirmed to third parties./.*